

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tính

1-2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng Cân đối kế toán

3-5

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Bản cáo bạch công nợ phải trả

8

Thuyết minh Báo cáo tài chính

9-23

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP
TUYÊN BÌNH

Cho năm tài chính 2017

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP TUYÊN BÌNH Báo cáo của Ban giám đốc
Địa chỉ: Xã Trảng Đà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Tuyên Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Tuyên Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000128538, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Vốn điều lệ: 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Thái	Giám đốc
	Ông Bùi Thu Thủy	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Tháp	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương (HVAC) - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế Eura Audit International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

2



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

Số: 064/2018/BCKT-CNVHAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình**

Chúng tôi, Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình (sau đây gọi là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84- 4) 666.40423 * Fax: (+84- 4) 666.40423 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: tinhtb.hvac@gmail.com / cnhn.hvac@gmail.com

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do đặc thù rừng tại Công ty có diện tích lớn và phân bố ở nhiều nơi, cùng với những hạn chế từ phía Công ty nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không xác minh được tính hiện hữu và đầy đủ của diện tích rừng dở dang chưa khai thác của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đang được xác định dựa trên cơ sở ước tính của bộ phận kế toán. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6 mục Thuyết minh Báo cáo tài chính; Công ty đang ghi nhận khoản chi phí trả trước dài hạn là khoản chi phí lãi vay từ trước năm 2015 với số tiền 3.006.195.706 đồng. Khoản chi phí này chưa được đơn vị điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính năm nay theo đúng chuẩn mực kế toán số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Điều này làm cho số dư chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm và cuối năm đang phản ánh cao hơn một số tương ứng

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bàì Thị Tĩnh
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1027-2018-098-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

Lê Thị Liên
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1429-2018-098-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.269.858.286	38.118.464.728
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.356.100	22.667.135
1. Tiền	111		8.356.100	22.667.135
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.272.603.891	1.692.545.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.889.956.585	330.470.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.000.000	4.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.378.647.306	764.188.491
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	593.886.873
III- Hàng tồn kho	140	V.4	40.983.753.455	36.403.251.854
1. Hàng tồn kho	141		40.983.753.455	36.403.251.854
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.144.840	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.144.840	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.758.442.620	3.607.690.313
I- Tài sản cố định	220		1.376.381.312	408.300.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.376.381.312	408.300.419
- Nguyên giá	222		5.915.139.410	1.159.949.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.538.758.098)	(751.648.728)
II- Tài sản dài hạn khác	260		3.382.061.308	3.199.389.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	3.382.061.308	3.199.389.894
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.028.300.906	41.726.155.041

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Thu Hà

Nguyễn Trọng Thái

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

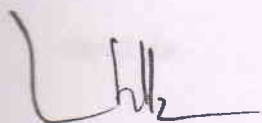
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		38.519.243.429	35.000.802.174
I- Nợ ngắn hạn	310		38.519.243.429	35.000.802.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	565.672.792	501.926.192
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.362.133.235	2.442.875.940
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.8	38.448.926	66.142.960
4. Phải trả người lao động	314		16.044.244.861	15.365.031.041
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	3.047.838.706	3.069.188.706
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	427.368.358	339.588.972
7. Vay và nợ thuê tài chính	320	V.11	11.793.538.300	13.036.879.228
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		239.998.251	179.169.135
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.509.057.477	6.725.352.867
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.12	12.434.125.040	6.650.420.430
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.367.185.690	6.583.481.080
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.939.350	66.939.350
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		74.932.437	74.932.437
1. Nguồn kinh phí	432		74.932.437	74.932.437
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.028.300.906	41.726.155.041

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

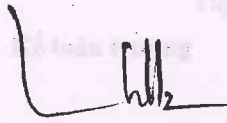
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Thu Hà



Lê Thị Thu Hà



Nguyễn Hồng Thái

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.284.321.216	9.095.481.945
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.284.321.216	9.095.481.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.953.000.806	6.695.633.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.331.320.410	2.399.848.566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	495.839	1.349.416
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	75.154.896	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.154.896	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.176.627.464	2.339.769.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.033.889	61.428.097
11. Thu nhập khác	31	VI.6	169.692.812	313.100.846
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.677.539	73.460.736
13. Lợi nhuận khác	40		166.015.273	239.640.110
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		246.049.162	301.068.207
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	56.448.926	82.046.645
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		189.600.236	219.021.562

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

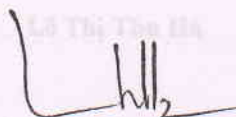
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Thu Hà



Lê Thị Thu Hà



Nguyễn Hồng Thái

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	246.049.162	301.068.207
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	80.937.912	78.673.113
- Các khoản dự phòng	03	-	(175.754.660)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(495.839)	(1.349.416)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu	08	401.646.131	202.637.244
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.585.202.992)	823.139.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.213.069.736	(2.452.314.415)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11	3.530.038.974	1.387.346.576
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(187.816.254)	30.704.295
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(68.046.645)	(44.297.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.228.534.054	(52.783.733)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	495.839	1.349.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	495.839	1.349.416
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	988.000.000	2.060.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.231.340.928)	(2.310.718.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.243.340.928)	(250.718.316)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.311.035)	(302.152.633)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.667.135	324.819.768
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.356.100	22.667.135

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

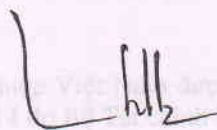
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Thu Hà



Lê Thị Thu Hà



Nguyễn Hồng Thái

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Tuyên Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000128538, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Vốn điều lệ: 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).

Nghề nghiệp kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Ươm giống cây **lâm** nghiệp;
- Khai thác gỗ có **nguồn** gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch **l** vụ lâm nghiệp;
- Bán buôn tre, **nứa**, gỗ cây và gỗ chế biến có nguồn gốc hợp pháp (trừ các loại gỗ nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Chăm sóc, trồng bảo vệ rừng.

KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên nhân phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm Phải thu khách hàng và Phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn thanh toán của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 2 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- **Phải trả người bán:** gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- **Phải trả khác** gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty theo dõi **các** khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vào hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- ...

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đánh giá kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính
Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính
các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.809.015	13.491.550
Tiền gửi ngân hàng	5.547.085	9.175.585
Cộng	8.356.100	22.667.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

II. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.889.956.585	330.470.375
Công ty TNHH MTV Vận Tải Trung Ngọc	1.963.332.140	36.644.080
Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang	877.852.400	-
Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang	779.399.669	24.453.919
Nhân dân xã kiến Thiết	120.172.763	120.172.763
Hàng Văn Long	93.500.000	93.500.000
Công ty CP Việt Long	28.128.000	28.128.000
Nguyễn Văn Thủy	20.591.560	20.591.560
Khác	6.980.053	6.980.053
Cộng	3.889.956.585	330.470.375

III. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngân hàng	1.378.647.306	-	764.188.491	-
- Thuế ứng	100.261.500	-	327.387.900	-
- Kịch mục, kỷ quỹ;	6.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.272.385.806	-	436.800.591	-
Thu tiền bán rừng	227.775.377	-	-	-
Công ty TNHH MTV	165.266.176	-	-	-
Lâm nghiệp Yên Sơn				
Nhà Thị Giám	78.283.302	-	3.000.000	-
Phạm Quốc Chung	44.287.450	-	2.000.000	-
Phạm Thị Thắm	42.079.977	-	-	-
Trần Xuân Dũng	29.913.402	-	14.122.107	-
Vũ Đức Thắng	26.030.000	-	-	-
Nguyễn Văn Hòa	25.201.928	-	-	-
Thị GƯ	22.388.456	-	-	-
Lê Thị Bích	20.000.000	-	24.488.172	-
Khác	591.159.738	-	393.190.312	-
Cộng	1.378.647.306	-	764.188.491	-

IV. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.515.465	-	62.171.965	-
Công cụ, dụng cụ	17.715.809	-	24.208.088	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.885.522.181	-	36.316.871.801	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	40.983.753.455	-	36.403.251.854	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.5. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư 01/01/2017	566.339.312	58.371.000	535.238.835	1.159.949.147
Tăng trong năm	4.755.190.263	-	-	4.755.190.263
Đánh giá lại	4.755.190.263	-	-	4.755.190.263
Số dư 31/12/2017	5.321.529.575	58.371.000	535.238.835	5.915.139.410
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư 01/01/2017	374.483.810	14.592.750	362.572.168	751.648.728
Tăng trong năm	3.744.272.270	5.837.100	37.000.000	3.787.109.370
Khấu hao trong năm	38.100.812	5.837.100	37.000.000	80.937.912
Đánh giá lại	3.706.171.458	-	-	3.706.171.458
Số dư 31/12/2017	4.118.756.080	20.429.850	399.572.168	4.538.758.098
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	191.855.502	43.778.250	172.666.667	408.300.419
Tại ngày 31/12/2017	1.202.773.495	37.941.150	135.666.667	1.376.381.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	-	-
b) Dài hạn	3.382.061.308	3.199.389.894
Chi phí trả trước dài hạn khác		
- Chi phí lãi vay	2.931.040.810	3.006.195.706
Khác	451.020.498	193.194.188
Cộng	3.382.061.308	3.199.389.894

V.7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	565.672.792	565.672.792	501.926.192	501.926.192
- Công ty CP Hưng Quốc	-	-	212.499.000	212.499.000
Trường đại học Tân Trào	129.250.000	129.250.000	-	-
Công ty TNHH Miwon Việt Nam	259.600	259.600	-	-
Đinh Thị Thủy Nhung	270.000	270.000	270.000	270.000
Công ty TNHH SX và TM Thủy vân	-	-	31.304.000	31.304.000
Trung tâm điều tra QH TK lâm nghiệp	4.653.192	4.653.192	4.653.192	4.653.192
Công ty CP đầu tư và TM Bình Nguyên	431.200.000	431.200.000	253.200.000	253.200.000
Khác	40.000	40.000	-	-
Cộng	565.672.792	565.672.792	501.926.192	501.926.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)	31/12/2017 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.283.030	19.908.178	6.625.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.448.926	56.448.926	68.046.645	50.046.645
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.522.404	3.522.404
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	122.707.844	122.707.844	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và cđ	-	296.006	6.244.769	5.948.763
Cộng	38.448.926	194.735.806	222.429.840	66.142.960

V.9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	3.047.838.706	3.069.188.706
Trích trước chi phí lãi vay	3.047.838.706	3.069.188.706
- Ngân hàng ĐT&PT Tuyên Quang	3.006.195.706	3.006.195.706
- Phí Sđ tài chính	41.643.000	41.643.000
- Lãi vay phải trả	-	21.350.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.047.838.706	3.069.188.706

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TUYÊN BÌNH
Xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2017

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	78.406.958	78.796.277
Bảo hiểm xã hội	1.167.690	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	347.793.710	260.792.695
Thuế RT phải trả các hộ	99.099.314	99.099.314
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	82.698.110	12.449.710
Lê Thị Thu Hà	68.459.443	-
Công ty CP NLG An hòa Tuyên Quang	41.771.060	-
Thu hồi đầu tư rừng trồng 93 - DA	29.277.033	29.277.033
Trợ cấp mất việc làm phải trả	26.488.750	26.488.750
Khác	-	93.477.888
Cộng	427.368.358	339.588.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: đồng				01/01/2017	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Tuyên Quang	11.793.538.300	11.793.538.300	988.000.000	2.231.340.928	13.036.879.228	13.036.879.228
Ngân hàng phát triển BQL DA lâm trường Tuyên Bình	1.443.300.000	1.443.300.000		400.000.000	1.843.300.000	1.843.300.000
Kho bạc nhà nước	9.052.100.300	9.052.100.300		1.472.251.080	10.524.351.380	10.524.351.380
Trương Phúc An	310.138.000	310.138.000		159.089.848	159.089.848	159.089.848
Nguyễn Hồng Thái	130.000.000	130.000.000	130.000.000	200.000.000	310.138.000	310.138.000
Vay đối tượng khác	858.000.000	858.000.000	858.000.000		200.000.000	200.000.000
b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)						
Cộng	11.793.538.300	11.793.538.300	988.000.000	2.231.340.928	13.036.879.228	13.036.879.228

Cho năm tài chính 2017

Mẫu B 09-DN

Xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	6.583.481.080	66.939.350	-	6.650.420.430
Lãi Năm nay			219.021.562	219.021.562
Giảm khác			(219.021.562)	(219.021.562)
Số dư tại 31/12/2016	6.583.481.080	66.939.350	-	6.650.420.430
Số dư tại 01/01/2017	6.583.481.080	66.939.350	-	6.650.420.430
Tăng vốn trong năm	5.783.704.610			5.783.704.610
Lãi trong năm			210.221.419	210.221.419
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi			(210.221.419)	(210.221.419)
Số dư tại 31/12/2017	12.367.185.690	66.939.350	-	12.434.125.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

VI.1. DOANH THU BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	13.284.321.216	9.095.481.945
Cộng	13.284.321.216	9.095.481.945

VI.2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	10.953.000.806	6.695.633.379
Cộng	10.953.000.806	6.695.633.379

VI.3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	495.839	1.349.416
Cộng	495.839	1.349.416

VI.4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	75.154.896	-
Cộng	75.154.896	-

VI.5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>2.176.627.464</i>	<i>2.339.769.885</i>
Chi phí nhân viên	1.496.017.726	1.433.118.504
Chi phí vật liệu bao bì	54.082.647	71.622.993
Chi phí dụng cụ đồ dùng	114.717.099	225.532.280
Chi phí Khấu hao TSCĐ	102.567.145	45.325.008
Thuế, phí và lệ phí	58.507.764	35.951.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.599.846	461.264.117
Chi phí bằng tiền khác	250.135.237	66.955.513
Cộng	2.176.627.464	2.339.769.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

VI.6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập khác	169.692.812	313.100.846
Cộng	169.692.812	313.100.846

VI.7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Nộp phạt tiền chậm nộp thuế	770.736	
Các khoản khác	2.906.803	73.460.736
Cộng	3.677.539	73.460.736

VI.8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính, 10% đối với dịch vụ trồng rừng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	246.049.162	301.068.207
+ Các khoản điều chỉnh tăng	37.073.372	109.165.019
<i>Các khoản chi không được trừ</i>	<i>37.073.372</i>	<i>109.165.019</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	283.122.534	410.233.226
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	56.273.346	82.046.645
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 10%	175.580	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	56.448.926	82.046.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC

VII.1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

VII.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương đã được điều chỉnh theo Biên bản duyệt Quyết toán tài chính của Sở tài chính.

VII.3. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Thu Hà

Lê Thị Thu Hà

Nguyễn Hồng Thái